

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2024

V/v xin ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Lê Trí Thông**

2. Ông **Nguyễn Tuấn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐHPT-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Bích T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024 và qua quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Bùi Thanh T do tự quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 13/8/2015.

Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê công việc làm ăn nên cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, chị T nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị Bích T và anh Bùi Thanh T có 03 con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 29/3/2013; Bùi Thanh M, sinh ngày 14/10/2015 và Bùi Thanh H, sinh ngày 25/8/2018. Hiện tại các cháu đang sống chung với chị T. Chị Ngô Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2024, bị đơn anh Bùi Thanh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Ngô Thị Bích T và anh Bùi Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của chị T thì giữa chị và anh Bùi Thanh T do tự quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 13/8/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê công việc làm ăn nên cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, chị T nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh T.

Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh vẫn không tham gia và cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến của anh về yêu cầu khởi kiện của chị T, nên anh đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thêm nữa, chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị Bích T được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị Bích T và anh Bùi Thanh T có 03 con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 29/3/2013; Bùi Thanh M, sinh ngày 14/10/2015 và Bùi Thanh H, sinh ngày 25/8/2018. Hiện tại các cháu đang sống chung với chị. Chị Ngô Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có văn bản nào trình bày ý kiến về vấn đề này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Bùi Thanh T, Bùi Thanh M, Bùi Thanh H cho chị Ngô Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Thanh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa có yêu cầu, nên anh T chưa phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Bích T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Thị Bích T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bích T.

Xử cho chị Ngô Thị Bích T được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 29/3/2013; Bùi Thanh M, sinh ngày 14/10/2015 và Bùi Thanh H, sinh ngày 25/8/2018 cho chị Ngô Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Thanh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa có yêu cầu, nên anh T chưa phải cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012542, ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Do đó, chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- UBND xã Mỹ Hòa;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Toàn

